



Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam
Viet Nam Pepper and Spice Association
 135A Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP HCM
 Tel: (84-28) 3823.7288 | Fax: (84-28) 3822.3901
 Email: info@vpsaspice.org | Website: www.vpsaspice.org


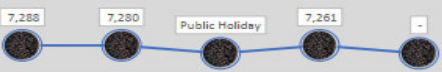





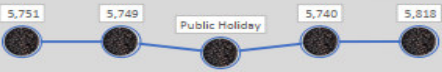


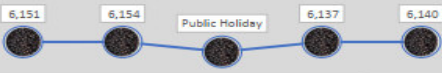


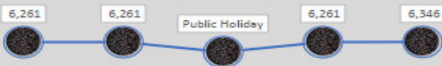

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 01/25, 30/12/2024 - 03/01/2025








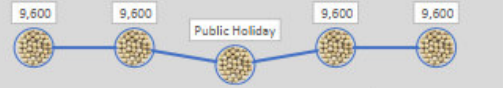
THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

- 01. Thế giới** - Thị trường tuần đầu tiên của năm 2025 cho thấy phản ứng khá tích cực khi không có quốc gia sản xuất nào ghi nhận giảm giá.
- 02. Ấn Độ** - Sau 2 tuần ghi nhận giảm, cả giá tiêu nội địa và xuất khẩu của Ấn Độ ghi nhận ổn định trong tuần này. Theo tờ thehindubusinessline.com, nhu cầu mạnh và sản lượng cao kích lệ nông dân trồng tiêu tại Ấn Độ mặc cho lượng nhập khẩu tăng.
- 03. Indonesia** - Giá tiêu giao dịch trong nước và quốc tế của Indonesia ổn định trong tuần này, trong khi cây tiêu tại vùng Lampung đã bắt đầu ra hoa.
- 04. Malaysia** - Giá tiêu nội địa Malaysia duy trì ổn định từ cuối tuần trước. Trong khi giá tiêu xuất khẩu Malaysia tiếp tục tăng trong 3 tuần qua.
- 05. Sri Lanka** - Mặc dù đồng Rupee Sri Lanka tăng 1% so với USD (293 LKR/USD), giá tiêu nội địa Sri Lanka ghi nhận ổn định trong tuần này.
- 06. Việt Nam** - Giá tiêu nội địa Việt Nam ghi nhận tăng trong tuần qua, còn giá xuất khẩu ổn định và không thay đổi.
- 07. Brazil, Campuchia, Trung Quốc** - Giá tiêu đen Brazil ghi nhận tăng trong tuần này. Giá tiêu trắng Trung Quốc và tiêu đen Campuchia duy trì ổn định và không thay đổi.
- 08.** Nhập khẩu Hồ tiêu của Úc (2022 - 2024).




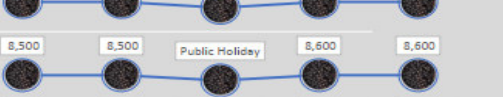



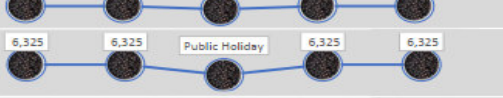

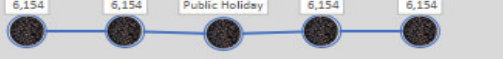

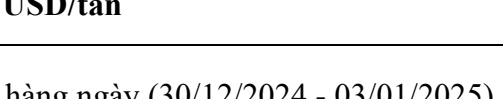

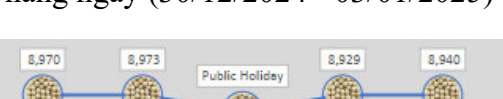
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (30/12/2024 - 03/01/2025)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi		7,276 - 7,308	0% 
 Ex-Indonesia		5,867 - 5,862	0% 
 Ex-Kuching		5,764 - 5,736	0% 
 Sri Lanka		6,145 - 6,127	0% 
 Ex- HCM		6,282 - 6,184	2% 




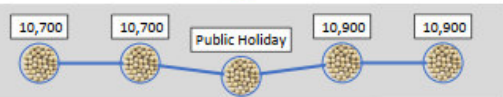




GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (30/12/2024 - 03/01/2025)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Indonesia		7,843 - 7,837	0% =
 Ex-Kuching		8,003 - 7,968	0% =
 Ex-HCM		10,192 - 10,043	1% ▲
 Ex-Hainan		9,600 - 9,600	0% =

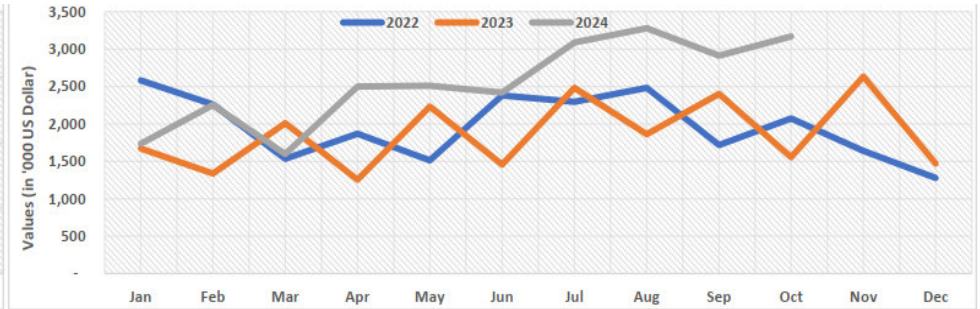
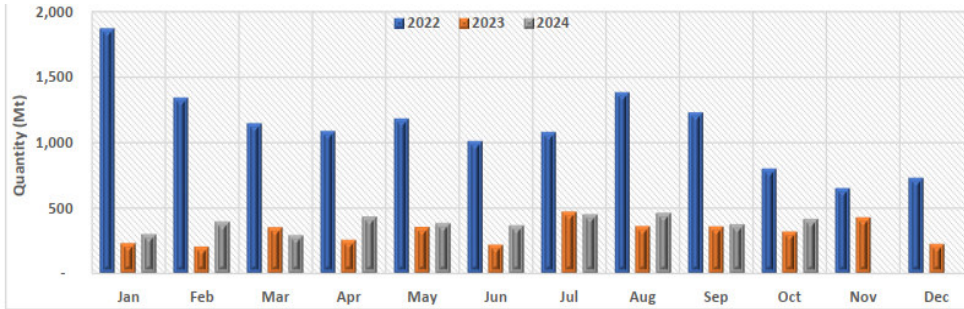
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (30/12/2024 - 03/01/2025)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		7,510 - 7,543	0% =
 Indonesia ASTA		6,842 - 6,836	0% =
 Kuching ASTA		8,550 - 8,450	1% ▲
 Ho Chi Minh 500g/l		6,400 - 6,400	0% =
 Ho Chi Minh 550g/l		6,700 - 6,700	0% =
 Brazil 570g/l		6,325 - 6,275	1% ▲
 Cambodia 550g/l		6,154 - 6,154	0% =

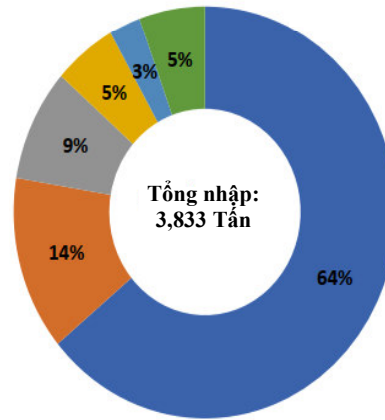
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (30/12/2024 - 03/01/2025)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Indonesia FAQ		8,953 - 8,946	0% =
 Kuching ASTA		10,800 - 10,650	1% ▲
 Ho Chi Minh FAQ		9,600 - 9,600	0% =
 Haikou FAQ		9,800 - 9,800	0% =

NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA ÚC







5 QUỐC GIA NHẬP KHẨU HỒ TIÊU LỚN NHẤT CỦA ÚC 10 THÁNG NĂM 2024



- 1 Việt Nam : 2,452 Tấn
- 2 Ấn Độ : 542 Tấn
- 3 Trung Quốc : 338 Tấn
- 4 Thái Lan : 204 Tấn
- 5 Hàn Quốc : 102 Tấn
- 6 Khác : 213 Tấn



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Xuất khẩu Hồ tiêu của Úc (2022-2024)		<u>2022</u>	<u>2023</u>	<u>2024*</u>	
	Tổng lượng nhập (tấn)	13,492	3,750 ▼	3,833 ▲	
	Tổng trị giá nhập ('000 USD)	\$ 23,623	\$ 22,369 ▼	\$ 25,467 ▲	
	Chênh lệch (%)	n.a	-72% ▼	24% ▲	
	Thị phần (%)	Tiêu hạt	13%	43% ▲	46% ▲
		Tiêu xay	87%	57% ▼	54% ▼
	Giá nhập khẩu (USD/tấn)	Tiêu hạt	\$ 6,819	\$ 6,596 ▼	\$ 7,384 ▲
		Tiêu xay	\$ 5,920	\$ 5,488 ▼	\$ 6,007 ▲

**Tính đến Tháng 10/2024*

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black 550 G/L	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black 570 GL (ASTA)	n.a	n.a
Madagascar black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white 630 GL (ASTA)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	Brazil (BRL)	Cambodia (KHR)	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Sri Lanka (LKR)	Viet Nam (VND)
Tuần này	6.20	4,027	7.19	85.62	16,193	4.48	293.00	23,400
Tuần trước	6.16	4,019	7.19	85.15	16,206	4.48	294.90	23,400
% Thay đổi	-1%	0%	0%	0%	0%	0%	1%	0%
	▼	=	=	=	=	=	▲	=

Nguồn:

- India: x-rates.com, Financial Benchmark India Private Ltd (FBIL)
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Brazil: Ngân hàng Trung ương Brazil
- Campuchia: Ngân hàng Nhà nước Campuchia
- Trung Quốc: Hệ thống thương mại ngoại hối Trung Quốc (CFETS)